

Số/ No: 030102/2025/QĐ-HĐQT

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2025  
Hanoi, March 12, 2025

**QUYẾT ĐỊNH/ DECISION**

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/ THE BOARD OF DIRECTORS**

*V/v: Ban hành Quy chế Công bố Thông tin Công ty Cổ phần Vinafco*

*On: Issuance of the Information Disclosure Regulation of Vinafco Joint Stock Corporation*

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO**

**THE BOARD OF DIRECTORS OF VINAFCO JOINT STOCK CORPORATION**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;  
*Pursuant to Law on Enterprises 2020;*
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vinafco;  
*Pursuant to the Charter of Vinafco Joint Stock Corporation;*
- Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 0301/2025/NQ-HĐQT ngày 12/03/2025.  
*Pursuant to the Resolution of the Board of Directors No. 0301/2025/NQ-HĐQT dated March 12, 2025.*

**QUYẾT ĐỊNH/ DECIDED THAT:**

**Điều 1/ Article 1:** Ban hành Quy chế Công bố thông tin Công ty Cổ phần Vinafco theo Tờ trình số 023/2025/TTr-VFC ngày 04/03/2025. Quy chế Công bố thông tin kèm theo Quyết định này.

*Issuance of the Information Disclosure Regulation of Vinafco Joint Stock Corporation pursuant to the submission No. 023/2025/TTr-VFC dated March 04, 2025. The Information Disclosure Regulation is attached to this Decision.*

**Điều 2/ Article 2:** Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Vinafco có hiệu lực kể từ ngày 12/03/2025.

*The Information Disclosure Regulation of Vinafco Joint Stock Corporation takes effect from March 12, 2025.*

**CÔNG TY CỔ PHẦN VINAFCO**

Thôn Tụ Khoát- Xã Ngũ Hiệp- Huyện Thanh Trì - Hà Nội Tel: (84 - 4) 3768 5775 Fax: (84 - 4) 3768 4465  
Email: info@vinafco.com.vn Website: www.vinafco.com.vn





## MỤC LỤC / TABLE OF CONTENTS

Điều 1: Mục đích của Quy chế/ <i>Article 1: Purpose of the Regulation</i> .....	2
Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng/ <i>Article 2: Scope and Application</i> .....	3
Điều 3: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt / <i>Article 3: Explanation of Terms and Abbreviations</i> .....	3
Điều 4: Nguyên tắc CBTT / <i>Article 4: Information Disclosure Principles</i> .....	4
Điều 5: Người thực hiện CBTT / <i>Article 5: Person Performing Information Disclosure</i> .....	6
Điều 6: Ngôn ngữ CBTT/ <i>Article 6: Language of Information Disclosure</i> .....	6
Điều 7: Phương tiện báo cáo, CBTT / <i>Article 7: Means of Reporting and Information Disclosure</i> .....	7
Điều 8: CBTT định kỳ / <i>Article 8: Periodic Information Disclosure</i> .....	8
Điều 9: CBTT bất thường / <i>Article 9: Irregular information disclosure</i> .....	12
Điều 10: CBTT theo yêu cầu / <i>Article 10: Disclosure upon request</i> .....	16
Điều 11: CBTT liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty / <i>Article 11: Disclosure related to major shareholders and groups of related persons holding 5% or more of the Company's voting shares</i> .....	16
Điều 12: CBTT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ / <i>Article 12: Disclosure of internal persons and related persons of internal persons</i> .....	17
Điều 13: CBTT các đối tượng khác / <i>Article 13: Disclosure of other objects</i> .....	21
Điều 14: Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc CBTT của Công ty đại chúng quy mô lớn / <i>Article 14: Time of starting and ending disclosure of public companies with large capital</i>	22
Điều 15. Tạm hoãn CBTT / <i>Article 15. Temporary suspension of disclosure</i> .....	22
<b>CHƯƠNG III: QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN / CHAPTER III: PROCEDURES FOR IMPLEMENTATION AND RESPONSIBILITY FOR INFORMATION DISCLOSURE</b> .....	<b>22</b>
Điều 16: Quy trình CBTT/ <i>Article 16: Disclosure procedure</i> .....	22
Điều 17: Trách nhiệm của người/ Bộ phận CBTT / <i>Article 17: Responsibility of the Discloser/Department</i> .....	24
Điều 18: Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan / <i>Article 18: Information provision responsibilities of related departments and individuals</i> .....	24
<b>CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN / CHAPTER IV: IMPLEMENTATION ORGANIZATION</b> .....	<b>24</b>
Điều 19: Xử lý vi phạm về CBTT / <i>Article 19: Handling of information disclosure violations</i>	24
Điều 20: Hiệu lực Quy chế / <i>Article 20: Effectiveness of the Regulation</i> .....	25



**CĂN CỨ: / BASE:**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành; / *Enterprise Law No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020, and guiding documents;*
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; / *Securities Law No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019;*
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; / *Decree No. 155/2020/NĐ-CP dated December 31, 2020, detailing the implementation of some articles of the Securities Law;*
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán; / *Circular No. 96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020, guiding information disclosure on the securities market;*
- Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; / *Circular No. 119/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, regulating the registration, deposit, clearing, and settlement of securities transactions;*
- Thông tư số 120/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và chứng chỉ quỹ, trái phiếu doanh nghiệp, chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán; / *Circular No. 120/2020/TT-BTC dated December 31, 2020, regulating the trading of listed shares, registration of trading, and certificates of fund, corporate bonds, and covered warrants listed on the securities trading system;*
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vinafco (Sau đây gọi tắt là “**Công ty**”). / *The Charter and Operation Regulations of Vinafco Joint Stock Company (hereinafter referred to as the “Company”).*

**NỘI DUNG QUY CHẾ / CONTENT OF THE REGULATION**

**CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG / CHAPTER I: GENERAL PROVISIONS**

**Điều 1: Mục đích của Quy chế / Article 1: Purpose of the Regulation**

Quy chế Công bố thông tin này (“**Quy chế**”) được ban hành nhằm đảm bảo việc Công ty công bố thông tin trên thị trường chứng khoán được đồng bộ, chính xác, tuân thủ đúng trình tự, thủ tục theo các quy định của pháp luật. / *This Information Disclosure Regulation (“Regulation”) is issued to ensure that the Company's information disclosure on the securities market is synchronized, accurate, and follows the correct procedures as prescribed by law.*

Quy chế này cũng quy định về việc phối hợp giữa các Phòng, Ban, Bộ phận, đơn vị, và các cá nhân có liên quan trong Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ Công bố thông tin. / *This Regulation also stipulates the coordination between departments, divisions, units, and individuals related to the Company in performing the information disclosure obligation.*



## **Điều 2: Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng/ Article 2: Scope and Application**

### **1. Phạm vi điều chỉnh/ Scope**

Quy chế này quy định về nội dung, cách thức, quy trình thực hiện việc công bố các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty; quan hệ giữa Công ty với cổ đông, nhà đầu tư; việc quản trị Công ty và trách nhiệm, quyền hạn của Bộ phận công bố thông tin, các Phòng, Ban, Bộ phận chuyên môn liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty. / *This Regulation stipulates the content, method, and process of disclosing information related to the Company's business situation; the relationship between the Company and shareholders, investors; corporate governance, and the responsibilities and powers of the information disclosure department, related departments, and divisions.*

### **2. Đối tượng áp dụng/ Application**

- a. Bộ phận công bố thông tin; / *Information disclosure department;*
- b. Người thực hiện công bố thông tin; / *Person performing information disclosure;*
- c. Người nội bộ của Công ty và những người có liên quan của người nội bộ Công ty; / *Insiders of the Company and related persons of the insiders;*
- d. Các Phòng, Ban, Bộ phận, Đơn vị trong Công ty; / *Departments, divisions, units within the Company;*
- e. Cổ đông Công ty; / *Shareholders of the Company;*
- f. Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định của pháp luật; / *Investors subject to information disclosure as prescribed by law;*
- g. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan khác. / *Other related agencies, organizations, and individuals.*

## **Điều 3: Giải thích từ ngữ và các từ viết tắt / Article 3: Explanation of Terms and Abbreviations**

### **a. Giải thích từ ngữ: / Explanation of Terms:**

1. *Người nội bộ của Công ty* là các cá nhân được quy định tại khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019; / *Insiders of the Company are individuals as prescribed in Clause 45, Article 4 of the 2019 Securities Law;*
2. *Người có liên quan của Công ty* là các cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2020; khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán năm 2019; / *Related persons of the Company are individuals and organizations as prescribed in Clause 23, Article 4 of the 2020 Enterprise Law; Clause 46, Article 4 of the 2019 Securities Law;*
3. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty; / *Shareholder is an individual or organization that owns at least one share of the Company;*
4. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành; / *Major shareholder is a shareholder who owns 5% or more of the voting shares of an issuer;*

5. Công ty đại chúng quy mô lớn là Công ty đại chúng có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán. / *Large-scale public company is a public company with a charter capital of VND 120 billion or more in the most recent audited annual financial statement.*
6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều Quy chế này; / *Information disclosure date is the date when the information appears on one of the information disclosure media as prescribed in Clause 1 of this Article;*
7. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước. / *Reporting date is the date of sending a fax, sending via email, the date when the information is received on the information disclosure system of the State Securities Commission, the information disclosure media of the Stock Exchange, or the date when the State Securities Commission or the Stock Exchange receives the report, whichever is earlier.*

**b. Các từ viết tắt / Abbreviations**

TGD / GD	:	Tổng Giám đốc/ <i>General Director</i>
HĐQT/BOD	:	Hội đồng quản trị/ <i>Board of Directors</i>
ĐHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông/ <i>General Meeting of Shareholders</i> /GMS
CBTT / ID	:	Công bố thông tin/ <i>Information Disclosure</i>
BKS / AQC	:	Ban Kiểm soát/ <i>Audit Committee</i>
BCTC / FS	:	Báo cáo Tài chính/ <i>Financial Statement</i>
SGDCK/SSC	:	Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ <i>Vietnam Securities</i> <i>Trading Center</i>
UBCKNN/ SSC	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước / <i>State Securities Commission of</i> <i>Vietnam</i>
TCTLKCK/ VSD	:	Tổng Công ty lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ <i>Vietnam</i> <i>Securities Depository and Clearing Corporation</i>

**Điều 4: Nguyên tắc CBTT / Article 4: Information Disclosure Principles**

1. Việc CBTT phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý. / *Information disclosure must be full, accurate, and timely according to the law. The disclosure of personal information, including identity card, citizen identification card, military identification card, valid passport, contact*



*address, permanent residence address, phone number, fax number, email, securities trading account number, securities deposit account number, bank account number, and foreign investor's transaction code, is only performed with the individual's consent.*

2. Đối tượng CBTT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng CBTT phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó. / *Information disclosure subjects are responsible for the content of the disclosed information before the law. In case of changes to the disclosed information, the information disclosure subject must disclose the changes and reasons for the changes in a timely and full manner.*
3. Các đối tượng CBTT này khi CBTT phải đồng thời báo cáo UBCKNN và SGDCCK nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng CBTT không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi UBCKNN và SGDCCK 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để UBCKNN và SGDCCK thực hiện công khai thông tin. / *These information disclosure subjects must report to the State Securities Commission and the Stock Exchange where the securities are listed or registered for trading on the content of the disclosed information, including all required information. In case the disclosed information includes personal information as prescribed in Clause 1 of this Article and the information disclosure subjects do not agree to disclose such information, they must send two documents to the State Securities Commission and the Stock Exchange, one of which includes full personal information and the other does not, for the State Securities Commission and the Stock Exchange to disclose the information.*
4. Việc CBTT của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền CBTT thực hiện. Việc CBTT của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện. / *The Company's information disclosure must be performed by the legal representative or authorized person. The individual's information disclosure is performed by the individual themselves or authorized to another individual or organization.*
5. Các đối tượng CBTT có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau: / *Information disclosure subjects are responsible for keeping and storing disclosed information and reports as prescribed in this Regulation:*
  - a. Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm; / *Periodic disclosure information and information on registration of public companies must be kept in written form (if any) and electronic data for at least 10 years. This information must be kept and accessible on the information disclosure subject's website for at least 5 years;*
  - b. Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng CBTT tối thiểu là 05 năm. / *Irregular disclosure information, information disclosed at the request of the State Securities Commission or other activities must be kept and accessible on the information disclosure subject's website for at least 5 years.*



**Điều 5: Người thực hiện CBTT / Article 5: Person Performing Information Disclosure**

1. Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được ủy quyền CBTT của tổ chức đó. / *The Company must perform its information disclosure obligation through one legal representative or one authorized person.*
2. Người đại diện theo pháp luật Công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền CBTT công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện CBTT mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền CBTT đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện CBTT. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm CBTT; / *The Company's legal representative is responsible for the accuracy, completeness, and timeliness of the information disclosed by the authorized person. If the event of information disclosure occurs and all legal representatives and authorized persons are absent, the senior member of the Management Board must temporarily perform the information disclosure. If there are multiple senior members, the remaining members of the Management Board must elect or appoint one person to perform the information disclosure;*
3. Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện CBTT cho UBCKNN và SGDC trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện CBTT có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện CBTT được thực hiện theo các quy định của pháp luật chứng khoán tại thời điểm báo cáo. / *The Company must report and re-report information about the person performing information disclosure to the State Securities Commission and the Stock Exchange within 24 hours from the effective date of the designation, authorization, or change of the person performing information disclosure. The content of the report on the person performing information disclosure must comply with the securities law regulations at the time of reporting.*

**Điều 6: Ngôn ngữ CBTT/ Article 6: Language of Information Disclosure**

1. Ngôn ngữ CBTT trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt. Công ty thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo quy định tại khoản 2 Điều này. Thông tin công bố bằng tiếng Anh phải bảo đảm thống nhất với nội dung thông tin công bố bằng tiếng Việt. Trường hợp có sự khác biệt hoặc có cách hiểu khác giữa thông tin bằng tiếng Việt và tiếng Anh thì thông tin bằng tiếng Việt được áp dụng. / *The language of information disclosure on the securities market is Vietnamese. The Company performs information disclosure in English as prescribed in Clause 2 of this Article. The disclosed information in English must ensure consistency with the content of the information disclosed in Vietnamese. In case of differences or different interpretations between the information in Vietnamese and English, the information in Vietnamese is applied.*
2. Công ty thực hiện CBTT đồng thời bằng tiếng Anh theo lộ trình như sau: / *The Company performs information disclosure in English according to the following roadmap:*
  - a. CBTT định kỳ đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025; / *Periodic information disclosure in English starts from January 1, 2025;*
  - b. CBTT bất thường, CBTT theo yêu cầu và CBTT về các hoạt động khác của Công ty đại chúng đồng thời bằng tiếng Anh kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026; / *Irregular information*

*disclosure, information disclosure at the request of the State Securities Commission, and other activities of public companies in English starts from January 1, 2026;*

**Điều 7: Phương tiện báo cáo, CBTT / Article 7: Means of Reporting and Information Disclosure**

1. Các phương tiện báo cáo, CBTT bao gồm: / *Means of reporting and information disclosure include:*
  - a. Trang thông tin điện tử (website) của Công ty; / *The Company's website;*
  - b. Hệ thống CBTT của UBCKNN; / *The State Securities Commission's information disclosure system;*
  - c. Trang thông tin điện tử của SGDCK, phương tiện CBTT khác theo Quy chế của SGDCK; / *The Stock Exchange's website, other means of information disclosure as prescribed by the Stock Exchange;*
  - d. Trang thông tin điện tử của TCTLKCK; / *The information disclosure website of the Securities Trading Center;*
  - e. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...). / *Other mass media as prescribed by law (print newspapers, online newspapers, ...).*
2. Người CBTT và các cá nhân/bộ phận được phân công thực hiện CBTT của Công ty thông qua các phương tiện báo cáo, CBTT tại khoản 1 Điều này phải đảm bảo các nguyên tắc sau: / *Information disclosure persons and individuals/departments assigned to perform information disclosure of the Company through the means of reporting and information disclosure in Clause 1 of this Article must ensure the following principles:*
  - a. Chịu trách nhiệm bảo mật thông tin đăng ký bao gồm: tên đăng nhập, mật khẩu và các thông tin cần thiết khác để đăng nhập và thực hiện CBTT; / *Be responsible for keeping confidential information, including login name, password, and other necessary information to log in and perform information disclosure;*
  - b. Thực hiện CBTT theo đúng hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK và/hoặc TCTLKCK. / *Perform information disclosure according to the guidance of the State Securities Commission, the Stock Exchange, and/or the Securities Trading Center.*
3. Trang thông tin điện tử Công ty phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này. Chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế CBTT, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Thông tư này; / *The Company's website must have information on business lines and information that must be publicly disclosed on the National Portal of Business Registration as prescribed by the Enterprise Law and any changes related to this information. A separate section on shareholder (investor) relations, which must disclose the Company's Charter, Information Disclosure Regulation, Internal Regulation on Corporate Governance (if any), Regulation on the operation of the Board of Directors, Supervisory Board*



*(if any), Prospectus (if any), periodic, irregular, and requested information disclosure, and other activities as prescribed by this Circular;*

Trang thông tin điện tử Công ty phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó. / *The Company's website must display the time of posting information and ensure that investors can search and access data on the website.*

4. Trường hợp nghĩa vụ CBTT phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện CBTT trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ CBTT theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ. / *In case the information disclosure obligation arises on a holiday or a day off as prescribed by law, the Company performs information disclosure on its website and performs the information disclosure obligation as prescribed by law on the next working day.*
5. Cách thức báo cáo, CBTT trên hệ thống CBTT của UBCKNN, phương tiện CBTT của SGDCK thực hiện theo hướng dẫn của UBCKNN, SGDCK. / *The method of reporting and information disclosure on the State Securities Commission's information disclosure system, the Stock Exchange's means of information disclosure is implemented according to the guidance of the State Securities Commission and the Stock Exchange.*

## **CHƯƠNG II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN/ CHAPTER II: INFORMATION DISCLOSURE CONTENT**

### **Điều 8: CBTT định kỳ / Article 8: Periodic Information Disclosure**

#### **1. CBTT Báo cáo tài chính / Financial Statement Disclosure**

##### **1.1. CBTT Báo cáo tài chính năm / Annual Financial Statement Disclosure**

Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau: / *The Company must disclose the audited annual financial statement by an accepted audit organization according to the following principles:*

- a. BCTC phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Công ty phải công bố 02 báo cáo: BCTC năm của riêng đơn vị mình và BCTC năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. / *The financial statement must include all reports, annexes, and explanations as prescribed by law on enterprise accounting. The Company must disclose two reports: the annual financial statement of the parent company and the consolidated annual financial statement as prescribed by law on enterprise accounting.*
- b. Công ty phải CBTT về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC; / *The Company must disclose the audited annual financial statement, including the audit report on the financial statement and the Company's explanatory document in case the audit organization gives a non-absolute opinion on the financial statement;*
- c. Thời hạn công bố BCTC năm: Công ty phải công bố BCTC năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90



ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. / *Time limit for annual financial statement disclosure: The Company must disclose the audited annual financial statement within 10 days from the date the audit organization signs the audit report but not later than 90 days from the end of the fiscal year.*

### **1.2. CBTT Báo cáo tài chính bán niên / *Semi-annual Financial Statement Disclosure***

Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận. / *The Company must disclose the reviewed semi-annual financial statement by an accepted audit organization.*

- a. BCTC bán niên phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của Công ty, được lập theo quy định của pháp luật chứng khoán, kế toán; / *The semi-annual financial statement must be a full interim financial statement according to the Accounting Standard "Interim Financial Reporting", presenting the financial data for the first 6 months of the fiscal year, prepared according to the regulations of securities law and accounting;*
- b. BCTC bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét BCTC. Toàn văn BCTC bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; / *The semi-annual financial statement must be reviewed according to the Review Standard for Financial Statements. The entire semi-annual financial statement must be disclosed in full, accompanied by the review conclusion and the Company's explanatory document in case the review conclusion is not a conclusive opinion;*
- c. Thời hạn công bố BCTC bán niên: Công ty phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. / *Time limit for semi-annual financial statement disclosure: The Company must disclose the reviewed semi-annual financial statement within 5 days from the date the audit organization signs the review report but not later than 45 days from the end of the first 6 months of the fiscal year.*

Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố BCTC bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính. / *In case the Company is a parent company of another organization or is a higher-level accounting unit with a separate accounting apparatus, it must disclose the reviewed semi-annual financial statement within 5 days from the date the audit organization signs the review report but not later than 60 days from the end of the first 6 months of the fiscal year.*

### **1.3. BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) / *Quarterly Financial Statement or Reviewed Quarterly Financial Statement (if any)***

Công ty phải công bố BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có). / *The Company must disclose the quarterly financial statement or the reviewed quarterly financial statement (if any).*

- a. BCTC quý phải là BCTC giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “BCTC giữa niên độ”, được lập theo quy định pháp luật chứng khoán, kế toán; / *The quarterly financial statement*

*must be a full interim financial statement according to the Accounting Standard "Interim Financial Reporting", prepared according to the regulations of securities law and accounting;*

- b. Toàn văn BCTC quý hoặc BCTC quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp BCTC quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần; / *The entire quarterly financial statement or the reviewed quarterly financial statement (if any) must be disclosed in full, accompanied by the review conclusion and the Company's explanatory document in case the quarterly financial statement is reviewed and the review conclusion is not a conclusive opinion;*
- c. Thời hạn công bố BCTC quý: Công ty phải công bố BCTC quý trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý và công bố BCTC quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. / *Time limit for quarterly financial statement disclosure: The Company must disclose the quarterly financial statement within 20 days from the end of the quarter and disclose the reviewed quarterly financial statement (if any) within 5 days from the date the audit organization signs the review report but not later than 45 days from the end of the quarter.*

Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng thì phải công bố BCTC quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý. / *In case the Company is a parent company of another organization or is a higher-level accounting unit with a separate accounting apparatus, it must disclose the quarterly financial statement within 30 days from the end of the quarter.*

Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố BCTC quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của BCTC quý thì không phải thực hiện công bố BCTC quý. / *In case the Company has disclosed the reviewed quarterly financial statement within the time limit for quarterly financial statement disclosure, it does not need to disclose the quarterly financial statement.*

- 1.4.** Khi CBTT các BCTC quy định tại các trường hợp 1.1, 1.2, 1.3 Điều này, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau: / *When disclosing financial statements as prescribed in Clauses 1.1, 1.2, 1.3 of this Article, the Company must explain the reason when one of the following cases occurs:*
- a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; / *The after-tax profit in the income statement of the reporting period changes by 10% or more compared to the same period of the previous year;*
  - b. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; / *The after-tax profit in the reporting period is a loss, changing from profit in the same period of the previous year to loss in this period or vice versa;*
  - c. Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại. / *The after-tax profit in the reporting period has a difference of 5% or more before and after audit or review, changing from loss to profit or vice versa.*



Trường hợp Công ty là Công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đồng thời là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 1.4 Điều này trên cơ sở BCTC của Công ty mẹ hoặc BCTC tổng hợp và BCTC hợp nhất. / *In case the Company is a parent company of another organization or simultaneously a higher-level accounting unit with a separate accounting apparatus, it must explain the reason for the occurrence of events prescribed in Clause 1.4 of this Article based on the parent company's financial statement or the consolidated financial statement.*

## **2. Báo cáo thường niên / Annual Report**

Công ty phải lập Báo cáo thường niên theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán và công bố Báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố BCTC năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. / *The Company must prepare the Annual Report according to the form prescribed by securities law and disclose this Report within 20 days from the date of disclosure of the audited annual financial statement but not later than 110 days from the end of the fiscal year.*

Thông tin tài chính trong Báo cáo thường niên phải phù hợp với BCTC năm đã được kiểm toán. / *Financial information in the Annual Report must be consistent with the audited annual financial statement.*

## **3. Báo cáo tình hình quản trị / Corporate Governance Report**

Công ty phải CBTT về báo cáo tình hình quản trị Công ty theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch. / *The Company must disclose the corporate governance report according to the form prescribed by securities law within 30 days from the end of the first 6 months of the year and the end of the calendar year.*

## **4. CBTT về họp ĐHĐCĐ thường niên / Disclosure of Annual General Meeting of Shareholders**

- a. Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn dài hơn, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và của UBCKNN, SGDK về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có); / *At least 21 days before the opening date of the Annual General Meeting of Shareholders, unless the Company's Charter provides for a longer time limit, the Company must disclose on its website and the website of the State Securities Commission and the Stock Exchange the information about the meeting, including the link to all meeting documents, such as the meeting invitation, meeting agenda, ballot, documents used in the meeting, and draft resolution for each issue on the meeting agenda. The meeting documents must be updated with amended and supplemented contents (if any);*
- b. Biên bản họp, nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24 giờ kể từ khi ban hành. / *Meeting minutes and resolutions of the Annual General Meeting of Shareholders and attached documents in the minutes and resolutions must be disclosed within 24 hours from the time of issuance.*



**Điều 9: CBTT bất thường / Article 9: Irregular information disclosure**

1. Công ty phải CBTT thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: / *The Company must disclose irregular information within 24 hours from the occurrence of one of the following events:*
  - a) Tài khoản của Công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này; / *The Company's account at the bank, foreign bank branch is frozen at the request of a competent authority or when the payment service provider detects signs of fraud, violations of the law related to the payment account; the account is allowed to operate again after being frozen in the cases specified in this point;*
  - b) Khi nhận được văn bản của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; / *When receiving a written request from a state agency or when the Company has a decision to suspend all or part of its business operations; change the business registration content; revoke the Business Registration Certificate; amend, supplement or suspend, revoke the Establishment and Operation License or Operation License;*
  - c) Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, Công ty phải CBTT về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn; / *Passing a resolution of the Extraordinary General Meeting of Shareholders. The disclosed documents include: Resolution of the General Meeting of Shareholders, meeting minutes and attached documents to the minutes and resolutions or voting records (in case of collecting opinions of shareholders in writing). In case the General Meeting of Shareholders passes a decision to cancel the listing, the Company must disclose the cancellation of the listing with the approval ratio of shareholders who are not major shareholders;*
  - d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán; / *Decision to buy back the Company's shares or sell treasury shares; the date of exercising the right to buy shares of the holder of bonds with the right to buy shares or the date of converting convertible bonds into shares; decision to offer securities abroad and other decisions related to the offering and issuance of securities;*
  - e) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu; / *Decision on dividend rate, form of dividend payment, dividend payment time; decision to split or merge shares;*

- f) Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Công ty, con dấu của Công ty; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; / *Decision on business restructuring (division, separation, merger, consolidation, conversion of business type), dissolution, bankruptcy of the enterprise; change of tax code, change of company name, company seal; change of location; establishment of new or closure of head office, branch, factory, representative office; issuance, amendment, supplementation of the Company's Charter; mid-term development strategy and annual business plan of the Company;*
- g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán BCTC năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký; / *Decision to change the accounting period, accounting policy applied (except for cases where the accounting policy is changed due to a change in legal regulations); notice of the auditing company that has signed a contract to audit the annual financial statement or change the auditing company (after signing the contract); cancellation of the signed audit contract;*
- h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một Công ty dẫn đến Công ty đó trở thành Công ty con, Công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại Công ty con, Công ty liên kết dẫn đến Công ty đó không còn là Công ty con, Công ty liên kết hoặc giải thể Công ty con, Công ty liên kết; / *Decision to participate in capital contribution to establish, buy to increase ownership in a company that becomes a subsidiary, associated company or sell to decrease the ownership ratio in a subsidiary, associated company, leading to the company no longer being a subsidiary or associated company, or dissolve the subsidiary or associated company;*
- i) Quyết định của ĐHĐCĐ hoặc HĐQT thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty đại chúng; / *Decision of the General Meeting of Shareholders or the Board of Directors to pass a contract, transaction between the Company and an internal person, a person related to the internal person or a person related to the public company;*
- j) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm CBTT thực hiện như sau: / *When there is a change in the number of voting shares. The time of disclosure is as follows:*
- Trường hợp Công ty phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Công ty báo cáo UBCKNN về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán; / *In case the Company issues additional shares or converts bonds, preferred shares into shares, from the time the Company reports to the State Securities Commission on the results of the issuance, conversion results according to the law on securities issuance;*
  - Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Công ty báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ; / *In case the Company buys back its own shares or*





*sells treasury shares, from the time the Company reports the transaction results according to the law on buying back its own shares, selling treasury shares;*

- Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Công ty hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông, Công ty CBTT trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày CBTT; / *In case the Company buys back shares from employees according to the company's regulations on issuing shares to employees or buys back odd-lot shares at the request of shareholders, the Company discloses within 10 days from the beginning of the month based on completed transactions and updated to the disclosure date;*
- k) Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho UBCKNN, SGDCK Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán; / *The Company changes, appoints new, reappoints, dismisses internal persons; receives a resignation letter from internal persons (the Company needs to clearly state the effective time according to the Enterprise Law and the Company's Charter). At the same time, the Company sends to the State Securities Commission, the Stock Exchange the Information Form of the new internal person according to the regulations of securities law;*
- l) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Công ty căn cứ vào BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC 06 tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp Công ty là Công ty mẹ thì căn cứ vào BCTC hợp nhất; / *Decision to buy, sell assets or conduct large transactions with a value greater than 15% of the Company's total assets based on the latest audited annual financial statement or the latest reviewed semi-annual financial statement. In case the Company is a parent company, it is based on the consolidated financial statement;*
- m) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty; / *When receiving a decision to initiate legal proceedings against the Company, internal persons of the Company; temporary detention, prosecution of internal persons of the Company;*
- n) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; / *When receiving a court judgment, a decision that has taken effect related to the Company's operations; Decision on penalties for tax law violations;*
- o) Công ty nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp; / *The Company receives a notice from the Court of accepting a petition to initiate bankruptcy proceedings;*
- p) Trường hợp Công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Công ty, Công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó; / *In case the Company becomes aware of an event, information that affects the price of the Company's securities, the Company must confirm or correct that information;*



- q) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Công ty; / *When other events occur that have a significant impact on the Company's production and business activities or management situation;*
- r) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài. / *Being approved or canceled for listing on a foreign stock exchange.*
- s) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ; / *Decision to increase or decrease charter capital;*
- t) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Công ty tại BCTC năm gần nhất được kiểm toán hoặc BCTC bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào BCTC hợp nhất đối với trường hợp Công ty đại chúng là Công ty mẹ); / *Decision to invest in an organization, project, borrow, lend, or other transactions with a value of 10% or more of the Company's total assets in the latest audited annual financial statement or the latest reviewed semi-annual financial statement (based on the consolidated financial statement for the case of a public company being a parent company);*
- u) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn). / *Decision to contribute capital with a value of 50% or more of the charter capital of an organization (determined by the charter capital of the recipient organization before the time of capital contribution).*
2. Khi CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có). / *When disclosing information according to Clause 1 of this Article, the Company must clearly state the occurred event, cause, and remedial measures (if any).*
3. Việc CBTT về họp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. / *The disclosure of an extraordinary General Meeting of Shareholders or the passing of a resolution of the General Meeting of Shareholders in the form of collecting shareholders' opinions in writing shall be carried out according to the relevant current laws and regulations.*
4. CBTT liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu: / *Disclosure related to the last registration date for exercising rights for existing shareholders:*
- a. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; / *The Company discloses the expected last registration date for exercising rights for existing shareholders at least 10 days before the expected last registration date, except as specified in Point b of this Clause;*
- b. Công ty CBTT về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến. / *The Company discloses the expected last registration date for exercising rights for existing shareholders to attend the General Meeting of Shareholders at least 20 days before the expected last registration date.*
5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với BCTC hoặc BCTC có điều

chỉnh hồi tố, Công ty phải CBTT về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố BCTC trong thời hạn theo quy định của pháp luật có liên quan tại thời điểm thực hiện. / *In case the auditing company issues an audit opinion or review conclusion that is not an unqualified audit opinion or review conclusion for the financial statement, or the financial statement has retroactive adjustments, the Company must disclose the audit opinion, review conclusion, and the adjusted financial statement results within the time limit specified by relevant laws at the time of implementation.*

6. CBTT trong các trường hợp đặc biệt khác. / *Disclosure in other special cases.*

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Công ty công bố BCTC cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. / *After changing the accounting period, the Company shall disclose the financial statement for the period between the two accounting periods of the old fiscal year and the new fiscal year according to the enterprise accounting law within 10 days from the date the auditing company signs the audit report but not exceeding 90 days from the beginning of the new fiscal year.*

**Điều 10: CBTT theo yêu cầu / Article 10: Disclosure upon request**

1. Trong các trường hợp sau đây, Công ty phải CBTT trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của UBCKNN, SGDCK nơi Công ty niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: / *In the following cases, the Company must disclose within 24 hours from the time of receiving the request from the State Securities Commission, the Stock Exchange where the Company is listed, registered for trading when one of the following events occurs:*
  - a. Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; / *An event that seriously affects the legitimate interests of investors;*
  - b. Có thông tin liên quan đến Công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó. / *Information related to the Company that has a significant impact on the stock price and needs to be confirmed.*
2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được UBCKNN, SGDCK yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có). / *The content of the information disclosed upon request must clearly state the event requested by the State Securities Commission, the Stock Exchange to disclose; the cause and the Company's assessment of the authenticity of the event, remedial measures (if any).*

**Điều 11: CBTT liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty / Article 11: Disclosure related to major shareholders and groups of related persons holding 5% or more of the Company's voting shares**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Công ty phải CBTT và báo cáo về giao dịch cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn. / *Organizations and individuals when becoming or no longer being a major shareholder of the Company must disclose and report transactions to the Company, the State Securities Commission, and the Stock Exchange (for listed, registered*



shares) according to the form specified by securities law within 5 working days from the date of becoming or no longer being a major shareholder.

2. Cổ đông lớn của Công ty khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải CBTT và báo cáo cho Công ty, UBCKNN và SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán. / *A major shareholder of the Company when having a change in the number of owned shares through the threshold of 1% of the voting shares must disclose and report to the Company, the State Securities Commission, and the Stock Exchange (for listed, registered shares) within 5 working days from the date of the change, according to the form specified by securities law.*
3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật chứng khoán. / *The time of becoming or no longer being a major shareholder or the time of changing the shareholding ratio through the 1% threshold specified in Clauses 1 and 2 of this Article is calculated from the date of completing the securities transaction according to securities law.*
4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty. Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty thực hiện CBTT theo mẫu theo quy định của pháp luật chứng khoán căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ. / *The provisions of Clauses 1, 2, and 3 of this Article also apply to groups of related persons holding 5% or more of the Company's voting shares; groups of foreign investors related to each other holding 5% or more of the Company's voting shares. The group of foreign investors related to each other holding 5% or more of the Company's voting shares discloses according to the form specified by securities law based on the total number of shares held by that group of foreign investors.*
5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Công ty phát hành thêm cổ phiếu. / *The provisions of Clauses 1, 2, 3, and 4 of this Article do not apply to objects that do not actively conduct transactions in case the change in the ratio of held voting shares arises due to the Company buying back its own shares or the Company issuing additional shares.*
6. Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này. / *The Company must disclose on its website within 3 working days after receiving the report related to the change in the shareholding ratio of the objects specified in this Article.*

**Điều 12: CBTT của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ / Article 12: Disclosure of internal persons and related persons of internal persons**

1. Người nội bộ của Công ty và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải CBTT, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho UBCKNN, SGDCK (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết) và

Công ty khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại SGDCK (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau: / *Internal persons of the Company and related persons of these objects (hereinafter referred to as related persons) must disclose and report before and after conducting transactions to the State Securities Commission, the Stock Exchange (for listed, registered shares, public fund certificates) and the Company when the expected transaction value in a day is from 50 million VND or more or the expected transaction value in a month is from 200 million VND or more calculated according to the par value (for shares, convertible bonds, public fund certificates) or the latest issuance price (for covered warrants) or the transfer value (for the right to buy shares, the right to buy convertible bonds, the right to buy public fund certificates), including cases of transferring ownership outside the stock trading system, according to the form specified by securities law.*

- a. Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán, ngoại trừ trường hợp Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty khi thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC. / *At least 3 working days before the expected date of conducting the transaction, internal persons and related persons must disclose the expected transaction according to the form specified by securities law, except for cases where the securities company is a related person of the internal person of the Company conducting transactions according to the regulations at Clause 2, Clause 3, Article 9a of Circular No. 120/2020/TT-BTC.*

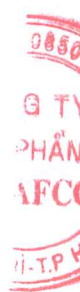
Trường hợp thực hiện giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC, việc miễn trừ CBTT được áp dụng cho giao dịch thực hiện trong vòng 4 ngày làm việc kể từ ngày cổ phiếu về tài khoản tự doanh của Công ty chứng khoán. / *In case of conducting transactions according to Clause 4, Article 9a of Circular No. 120/2020/TT-BTC, the exemption from disclosure is applied to transactions conducted within 4 working days from the date the shares are transferred to the securities company's proprietary trading account.*

- b. Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do SGDCK đã CBTT và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ SGDCK; / *The time limit for conducting the transaction must not exceed 30 days from the date of registering the transaction. Internal persons and related persons must conduct according to the time, volume, value disclosed by the Stock Exchange and only conduct the first transaction on the trading day immediately after the day the Stock Exchange discloses the information.*
- c. Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải CBTT theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai; / *In case of conducting buying transactions in share issuances,*



*public fund certificate issuances, or public offerings, objects that must disclose according to this Article are exempt from the obligations specified in Point b of this Clause and implement according to the law on public offerings and issuances.*

- d. Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp Công ty quản lý quỹ, chi nhánh Công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký; / *Internal persons and related persons are not allowed to register and conduct buying and selling transactions of shares, rights to buy shares, convertible bonds, rights to buy convertible bonds, public fund certificates, rights to buy public fund certificates, or covered warrants in the same registration and transaction period and are only allowed to register and conduct the next transaction after reporting the end of the previous transaction period; except for cases where the fund management company, the branch of a foreign fund management company in Vietnam is a related person of the internal person and conducts registration and transactions to buy and sell securities for ETFs or invests according to customer designation, but must ensure that each designated customer does not register and conduct buying and selling transactions in the same registration period.*
- e. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải CBTT về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán; / *Within 5 working days from the date of completing the transaction (in case the transaction ends before the registered time limit) or the end of the expected transaction time limit, internal persons and related persons must disclose the transaction results and explain the reasons for not conducting the transaction or not conducting the registered volume (if any) according to the form specified by securities law.*
- f. Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan. / *Internal persons and related persons who are objects that must implement reporting and disclosure according to this Clause and are also objects that must implement reporting and disclosure according to Article 11 of this Regulation only need to implement the disclosure obligation applied to internal persons and related persons.*
2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 11 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, CBTT theo quy định tại Điều 11 Quy chế này. / *Internal persons and related persons who are not objects that must implement reporting and disclosure according to Clause 1 of this Article and are also objects that must implement reporting and disclosure according to Article 11 of this Regulation must implement the reporting and disclosure obligations according to Article 11 of this Regulation.*



3. Quy định về nghĩa vụ CBTT tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp Công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của các đối tượng này. / *The provisions on disclosure obligations at Points a, b, and d, Clause 1 of this Article do not apply to cases where the securities company sells the pledged shares of a customer who is an internal person of the Company or a related person of these objects.*
4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Công ty hoặc người có liên quan của Công ty, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và CBTT theo quy định tại khoản 1 Điều này. / *In case after registering the transaction, the object registering the transaction is no longer an internal person of the Company or a related person of the Company, the object registering the transaction must still implement reporting and disclosure according to this Article.*
5. Trường hợp Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, Công ty chứng khoán phải báo cáo UBCKNN, SGDC, Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi. / *In case the securities company is a related person of the internal person of the Company, when conducting an error correction transaction of listed shares, registered shares, or listed public fund certificates, the securities company must report to the State Securities Commission, the Stock Exchange, and the Company within 24 hours from the time of completing the error correction transaction.*
6. Trường hợp Công ty mẹ, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty thực hiện giao dịch chứng khoán của Công ty phải thực hiện nghĩa vụ CBTT áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan. / *In case the parent company, political organizations, socio-political organizations (trade union, youth union,...), and other management title holders according to the Company's Charter conduct securities transactions of the Company, they must implement the disclosure obligations applied to internal persons and related persons.*
7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty. / *Within 3 working days after receiving reports related to securities transactions of internal persons and related persons according to this Article, the Company must disclose on its website.*
8. Trường hợp Công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Công ty, Công ty chứng khoán phải CBTT và báo cáo UBCKNN, SGDC và thông báo cho Công ty khi giá trị giao dịch trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá, bao gồm trường hợp chuyển quyền sở hữu ngoài hệ thống giao dịch chứng khoán theo mẫu quy định của pháp luật chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ các thời điểm sau đây: / *In case the securities company is a related person of the internal person of the Company, the securities company must disclose and report to the State Securities Commission, the Stock Exchange, and notify the Company when the transaction value in a day is from 50 million VND or more or the transaction value in a month is from 200 million VND or more calculated according to the par value, including cases of transferring ownership outside the stock trading system, according to the form specified by securities law within 24 hours from the following time points:*



- a. Hoàn tất việc thanh toán giao dịch theo quy định tại khoản 2 Điều 35a Thông tư số 119/2020/TT-BTC; / *Completing the payment of the transaction according to Clause 2, Article 35a of Circular No. 119/2020/TT-BTC;*
- b. Hoàn tất việc bán cổ phiếu theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 9a Thông tư số 120/2020/TT-BTC. / *Completing the sale of shares according to Clauses 3 and 4, Article 9a of Circular No. 120/2020/TT-BTC.*

**Điều 13: CBTT các đối tượng khác / *Article 13: Disclosure of other objects***

1. Trường hợp Công ty phát sinh các giao dịch chào mua công khai thì phải thực hiện CBTT theo quy định của pháp luật về chào mua công khai. / *In case the Company conducts public offerings, it must implement disclosure according to the law on public offerings.*
2. CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn. / *Disclosure of issuance, listing, registration for trading, and reporting on the use of capital.*

Công ty thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ CBTT về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán. / *The Company conducting private offerings, public offerings, issuing securities, listing, registering for trading must implement disclosure obligations regarding the issuance, listing, registration for trading, and reporting on the use of capital according to the law on securities issuance, listing, and registration for trading.*

3. CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài / *Disclosure of foreign ownership ratio*

Công ty phải CBTT về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của Công ty mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Công ty, SGDCK, TCTKCK và hệ thống CBTT của UBCKNN theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. / *The Company must disclose the maximum foreign ownership ratio of itself and changes related to this ratio on its website, the Stock Exchange, the Securities Trading Center, and the State Securities Commission's information disclosure system according to the securities law guiding foreign investment activities on the Vietnamese stock market.*

4. CBTT về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ / *Disclosure of buying back its own shares and selling treasury shares*

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Công ty phải thực hiện CBTT theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ. / *In case the Company buys back its own shares or sells treasury shares, it must implement disclosure according to the law on buying back its own shares and selling treasury shares.*

Trường hợp Công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và CBTT trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu. / *In case the Company buys back its own shares, after paying for all the bought-back shares, if the total asset value recorded in the accounting book decreases*



*by more than 10%, the Company must notify all creditors and disclose within 15 days from the date of completing the payment for buying back shares.*

**Điều 14: Thời điểm bắt đầu thực hiện và chấm dứt việc CBTT của Công ty đại chúng quy mô lớn / Article 14: Time of starting and ending disclosure of public companies with large capital**

1. Công ty đại chúng thực hiện nghĩa vụ CBTT của Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật chứng khoán kể từ thời điểm có vốn góp của chủ sở hữu từ 120 tỷ đồng trở lên tại BCTC năm gần nhất đã được kiểm toán. / *A public company implements the disclosure obligation of a public company with large capital according to securities law from the time its owner's capital is 120 billion VND or more in the latest audited annual financial statement.*
2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày không còn là Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật chứng khoán, Công ty tiếp tục thực hiện nghĩa vụ CBTT như Công ty đại chúng quy mô lớn theo quy định của pháp luật. / *Within 1 year from the date of no longer being a public company with large capital according to securities law, the Company continues to implement the disclosure obligation like a public company with large capital according to securities law.*

**Điều 15. Tạm hoãn CBTT / Article 15. Temporary suspension of disclosure**

1. Công ty được tạm hoãn CBTT trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Trường hợp này, Công ty phải báo cáo UBCKNN, SGDCK về việc tạm hoãn CBTT ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn CBTT), đồng thời công bố về việc tạm hoãn CBTT. / *The Company is allowed to temporarily suspend disclosure in case of force majeure such as natural disasters, fires, wars, epidemics, and other force majeure events. In this case, the Company must report to the State Securities Commission, the Stock Exchange on the suspension of disclosure immediately upon the occurrence of the event (stating the reason for the suspension of disclosure), and disclose the suspension of disclosure.*
2. Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Công ty có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật. / *Immediately after overcoming the force majeure situation, the Company is responsible for disclosing all the information that was not disclosed according to the law.*

**CHƯƠNG III: QUY TRÌNH THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN /  
CHAPTER III: PROCEDURES FOR IMPLEMENTATION AND RESPONSIBILITY FOR  
INFORMATION DISCLOSURE**

**Điều 16: Quy trình CBTT / Article 16: Disclosure procedure**

Quy trình CBTT của Công ty được thực hiện theo các bước sau: / *The Company's disclosure procedure is implemented according to the following steps:*

1. **Bước 1. Cung cấp thông tin / Step 1. Providing information**
  - i) Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các bộ phận liên quan thuộc Công ty phải nhanh chóng gửi thông tin đến Người CBTT hoặc Phòng/Ban/Bộ phận phụ trách việc CBTT theo thời gian quy định cho từng loại thông tin cần phải công bố; / *When there are*



*informational disclosures according to regulations, related departments of the Company must quickly send information to the Discloser or the Department/Division responsible for disclosure according to the time limit specified for each type of information that needs to be disclosed;*

- ii) Các bộ phận, cá nhân có liên quan phải thực hiện đảm bảo đúng các quy định hiện hành về thời gian nộp báo cáo, văn bản tài liệu CBTT cho UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK và CBTT trên các phương tiện CBTT. / *Departments and individuals involved must ensure compliance with current regulations on the time of submitting reports, disclosure documents to the State Securities Commission, the Stock Exchange, the Securities Trading Center, and disclosure on information disclosure media.*

## **2. Bước 2. Xử lý thông tin / Step 2. Processing information**

Khi nhận được thông tin do các bộ phận có liên quan cung cấp, Người CBTT/Phòng/Ban/ Bộ phận phụ trách CBTT thực hiện theo trình tự: / *Upon receiving information provided by related departments, the Discloser/Department/Division responsible for disclosure implements the following sequence:*

- i) Kiểm tra thông tin; / *Checking information;*
- ii) Đối chiếu với các quy định về CBTT; / *Comparing with disclosure regulations;*
- iii) Soạn thảo văn bản CBTT theo quy định của pháp luật. / *Drafting the disclosure document according to the law.*

## **3. Bước 3. Trình Ban Lãnh đạo phê duyệt / Step 3. Submitting to the Management for approval**

- i) Người CBTT/Phòng/Ban/Bộ phận phụ trách CBTT trình Ban Lãnh đạo Công ty xem xét, phê duyệt nội dung CBTT; / *The Discloser/Department/Division responsible for disclosure submits to the Company's Management for consideration and approval of the disclosure content;*
- ii) Sau khi nội dung thông tin đã được phê duyệt, người CBTT thực hiện công bố theo quy định. / *After the disclosure content has been approved, the Discloser implements disclosure according to regulations.*

## **4. Bước 4. Báo cáo và CBTT / Step 4. Reporting and disclosure**

- i) Người CBTT gửi văn bản CBTT đến UBCKNN, SGDCK, TCTLKCK (tùy theo yêu cầu của loại thông tin cần công bố), đăng tải nội dung CBTT trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đúng yêu cầu về nội dung và thời hạn CBTT theo quy định của pháp luật; / *The Discloser sends the disclosure document to the State Securities Commission, the Stock Exchange, the Securities Trading Center (depending on the requirements of the type of information that needs to be disclosed), posts the disclosure content on the Company's website according to the requirements on content and time limit for disclosure according to the law;*
- ii) Các bộ phận liên quan đã cung cấp thông tin có trách nhiệm kiểm tra và thông báo cho Người CBTT nếu phát hiện thông tin đã công bố không chính xác để kịp thời điều chỉnh. / *Departments that provided information are responsible for checking and notifying the Discloser if the disclosed information is inaccurate to promptly adjust.*

## **5. Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin / Step 5. Preservation and storage of information**



Thông tin sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật và của Công ty để phục vụ cho mục đích tham khảo, đối chiếu, tra cứu khi cần thiết. / *Information after disclosure and reporting will be stored at the Company according to the law and the Company's regulations to serve the purpose of reference, comparison, and lookup when necessary.*

**Điều 17: Trách nhiệm của người/ Bộ phận CBTT / Article 17: Responsibility of the Discloser/Department**

1. Người/Bộ phận CBTT có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ CBTT theo quy định của Quy chế này, quy định nội bộ của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan một cách trung thực, cẩn trọng, chính xác, vì lợi ích cao nhất của Công ty. / *The Information Disclosure Officer/Department is responsible for performing information disclosure obligations in accordance with the provisions of this Regulation, the Company's internal regulations and relevant laws in a truthful, careful, accurate and in the best interest of the Company.*
2. Trong phạm vi, chức năng của mình, người CBTT thực hiện đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung Quy chế này. / *Within the scope and function of their duties, the Information Disclosure Officer shall prompt related departments and individuals to provide information in accordance with the content of this Regulation.*
3. Kiểm tra tính chính xác, phù hợp của nội dung báo cáo, công bố, đối chiếu báo cáo với các quy định hiện hành về CBTT và thực hiện CBTT đến các tổ chức, cá nhân cần thiết theo quy định. / *Checking the accuracy and appropriateness of the content of reports and disclosures, comparing reports with current regulations on information disclosure and performing information disclosure to necessary organizations and individuals as prescribed.*
4. Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc Công ty về việc thực hiện CBTT. / *Being responsible to the Board of Directors, the General Director of the Company for the implementation of information disclosure.*

**Điều 18: Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân liên quan / Article 18: Information provision responsibilities of related departments and individuals**

1. Tuân thủ và thực hiện đúng các nội dung của Quy chế này và các quy định khác của pháp luật có liên quan về CBTT; / *Complying with and implementing the contents of this Regulation and other relevant legal provisions on information disclosure;*
2. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của người/ Bộ phận CBTT; / *Providing full, accurate and timely information as requested by the Information Disclosure Officer/Department;*
3. Trưởng các Phòng/Ban/Bộ phận có liên quan trong Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời đối với các thông tin cung cấp cho người CBTT. / *Heads of related Departments/Divisions in the Company are responsible for the accuracy and timeliness of the information provided to the Information Disclosure Officer.*

**CHƯƠNG IV: TỔ CHỨC THỰC HIỆN / CHAPTER IV: IMPLEMENTATION  
ORGANIZATION**

**Điều 19: Xử lý vi phạm về CBTT / Article 19: Handling of information disclosure violations**



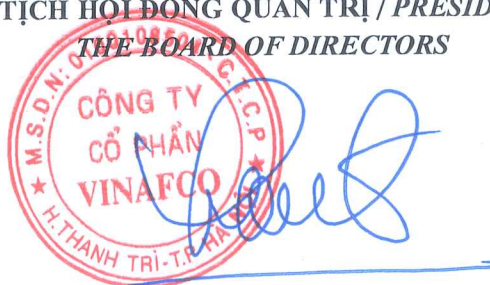
Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm các nội dung tại Quy chế này, quy định pháp luật về CBTT gây thiệt hại cho Công ty thì phải chịu trách nhiệm về hành vi vi phạm của mình và bồi thường thiệt hại theo quy định pháp luật (nếu có). / *Organizations and individuals that violate the contents of this Regulation, laws on information disclosure and cause damage to the Company shall be responsible for their violations and compensate for damage as prescribed by law (if any).*

**Điều 20: Hiệu lực Quy chế / Article 20: Effectiveness of the Regulation**

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày được HĐQT thông qua. / *This Regulation comes into effect from the date it is approved by the Board of Directors.*
2. HĐQT có quyền sửa đổi, bổ sung Quy chế này phù hợp với nhu cầu thực tế về công tác CBTT của Công ty và/hoặc cập nhật các thay đổi của pháp luật để sửa đổi, bổ sung tương ứng nội dung Quy chế này cho phù hợp. Nếu có sự mâu thuẫn giữa các quy định trong Quy chế này và các quy định của pháp luật (được sửa đổi theo từng thời kỳ), các quy định của pháp luật sẽ được ưu tiên áp dụng. / *The Board of Directors has the right to amend and supplement this Regulation to suit the actual needs of the Company's information disclosure work and/or update changes in laws to amend and supplement the contents of this Regulation accordingly. If there are contradictions between the provisions of this Regulation and the laws (amended from time to time), the laws will be prioritized.*
3. BGD, các Phòng/Ban/Bộ phận, cán bộ, nhân viên trong Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan có trách nhiệm thực hiện đúng quy định của Quy chế này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn và/hoặc vướng mắc phát sinh, đề nghị phản ánh kịp thời về Công ty để được hướng dẫn và/hoặc giải quyết. / *The General Director, Departments/Divisions, officers, employees in the Company and related individuals and organizations are responsible for implementing the provisions of this Regulation. In the process of implementation, if difficulties and/or problems arise, propose to reflect promptly to the Company for guidance and/or resolution.*
4. Bất cứ vấn đề nào liên quan công tác CBTT của Công ty không được quy định trong Quy chế này sẽ được quy định bởi pháp luật liên quan của Việt Nam về nghĩa vụ CBTT, Quy chế CBTT của SGDCK và các văn bản pháp luật liên quan. / *Any issues related to the Company's information disclosure work not stipulated in this Regulation shall be governed by Vietnam's laws on information disclosure obligations, the Stock Exchange's Information Disclosure Regulation and relevant legal documents.*

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / CHAIRMAN OF THE  
BOARD OF DIRECTORS**

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / PRESIDENT OF  
THE BOARD OF DIRECTORS**



**NGUYỄN THÁI HÒA / NGUYEN THAI HOA**



